

Cẩm Giàng, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Số: 04/2025/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Chu Sỹ D, sinh năm 1955

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn L, xã T (nay là Khu T, thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Chị Nghiêm Thị T, sinh năm 1989. Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã T, (nay là Khu T, thị trấn C) huyện C, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Ông Vũ Đăng K, sinh năm 1958

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn L, xã T, (nay là Khu T, thị trấn C) huyện C, tỉnh Hải Dương

**II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Ông Chu Sỹ D1 ông Vũ Đăng K thống nhất thoả thuận, xác định tổng diện tích đất tranh chấp là **11,9 m<sup>2</sup>** thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05 diện tích 550m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở; 144m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (50 năm); 106m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thừa hợp pháp (lâu dài)), có địa chỉ thôn L, xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương được UBND huyện C (nay là huyện C, tỉnh Hải Dương) cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên ông Chu Sỹ D2 ngày 29/11/1995, có trị giá : Diện tích đất tranh chấp là 11,9 m<sup>2</sup> x 4.000.000đ/m<sup>2</sup> = **47.600.000đ** (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Ông Chu Sỹ D1 ông Vũ Đăng K1 nhất thỏa thuận về việc ông Chu Sỹ D3 T1 cho ông Vũ Đăng K2 quyền quản lý, sử dụng diện tích đất **2,8 m<sup>2</sup>**, trị giá  $(2,8m^2 \times 4.000.000đ/m^2) = 11.200.000đ$  (Mười một triệu hai trăm ngàn đồng), được giới hạn bởi các điểm từ A1-A28-A22-A21-A20 đến A1 (có sơ đồ kèm theo trên diện tích 2,8m<sup>2</sup> có công trình xây dựng là một phần bức tường của ngôi nhà ngang), nằm trong thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05 diện tích 550m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở; 144m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (50 năm); 106m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thừa hợp pháp (lâu dài)), có địa chỉ thôn L, xã T (nay là Khu Dân cư L, thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương được UBND huyện C (nay là huyện C, tỉnh Hải Dương) cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên ông Chu Sỹ D2 ngày 29/11/1995;

3. Ông Chu Sỹ D1 ông Vũ Đăng K1 nhất thỏa thuận về việc ông Chu Sỹ D4 quyền quản lý, sử dụng diện tích đất **9,1 m<sup>2</sup>**, được giới hạn bởi các điểm từ A22-A23-A24-A25-B1-B2-A27-A28 đến A22 (có sơ đồ kèm theo, trên diện tích đất 9,1 m<sup>2</sup> có bức tường (do ông K3 dựng) nằm trong thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05 diện tích 550m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở; 144m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (50 năm); 106m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thừa hợp pháp (lâu dài)), có địa chỉ thôn L, xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương được UBND huyện C (nay là huyện C, tỉnh Hải Dương) cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên ông Chu Sỹ D2 ngày 29/11/1995; trị giá  $(9,1m^2 \times 4.000.000đ/m^2) = 36.400.000đ$  (Ba mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn).

4. Ông Chu Sỹ D1 ông Vũ Đăng K thống nhất xác định diện tích đất **10,8m<sup>2</sup>** theo hình vẽ được giới hạn bởi các điểm từ A27-B2-B1-A14-A15-A26 đến A27 là diện tích đất công do UBND thị trấn C.

5. Nguyên đơn là ông Chu Sỹ D1 bị đơn là ông Vũ Đăng K4 nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục điều chỉnh, đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

6. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Chu Sỹ D5 việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn (ông Vũ Đăng K) phải bồi thường tổng số tiền 23.000.000 đồng (trong đó bao gồm: 1.835.000 đồng chi phí đo đạc năm 2023; số tiền 750.000 đồng chi phí phô tô tài liệu gửi đi các cấp; số tiền 97.000 đồng chi phí khai thác hồ sơ và 20.000.000 đồng chi phí thủ lao cho chị Nghiêm Thị T1 trợ nguyên đơn trong quá trình nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng).

7. Về chi phí tố tụng: Ông Chu Sỹ D1 ông Vũ Đăng K1 nhất thỏa thuận, mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  số tiền chi phí tố tụng là 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm

mười ngàn đồng). Do ông D6 nộp tạm ứng tổng số tiền chi phí tố tụng là 11.900.000 đồng nên ông K4 trách nhiệm hoàn trả cho ông D7 tiền 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

8. Về án phí: Ông Chu Sỹ D1 ông Vũ Đăng K5 được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Qnên không phải nộp.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cẩm Giàng,
- Chi Cục THA huyện Cẩm Giàng,
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Tố U**